

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 101/2025/DS-ST
Ngày 13-6-2025
*Về việc “tranh chấp hợp đồng
hợp tác”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Trang

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tập, ông Bùi Ngọc Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Phan - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Trang - Kiểm sát viên

Ngày 13/6/2025, tại Toà án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 890/2024/TLST- DS ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng hợp tác”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2025/QĐXXST-DS ngày 18/4/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 102/2025/QĐST – DS ngày 14/5/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lương Văn M (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích N –Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ (Có mặt)

- Bị đơn: Công ty cổ phần Đ

Địa chỉ: Số A G, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trung T (vắng mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Vũ Thị C (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn I, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

+ Ông Nguyễn Trung T (vắng mặt)

Chỗ ở hiện nay: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn ông Lương Văn M trình bày:** Ngày 20/6/2019 tôi và Công ty Cổ phần Đ, có trụ sở tại A G, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có ký hợp đồng quyền chọn số 240486804/HĐQC về hợp tác xây dựng dự án bất động sản.

Căn cứ hợp đồng này tôi hợp tác đầu tư số tiền 100.000.000 đồng vào công ty Đ với thời hạn 01 năm kể từ ngày 20/6/2019, đồng thời công ty có nghĩa vụ trả lãi suất cố định cho tôi hàng tháng với số tiền 5.000.000 đồng. Hết thời hạn 01 năm theo hợp đồng trên tôi được quyền rút vốn khỏi công ty. Sau khi ký kết với hợp đồng nêu trên, tôi đã đóng góp vốn hợp tác đầu tư đúng theo thỏa thuận. Từ tháng 7/2019 đến tháng 10/2019 công ty đã không trả lãi cho tôi theo đúng thỏa thuận.

Hết thời hạn 12 tháng theo hợp đồng nêu trên tôi đã nhiều lần yêu cầu công ty thanh toán cho tôi số tiền lãi trong 08 tháng còn lại và trả lại số tiền đã đầu tư nhưng công ty cố tình né tránh.

Nay tôi khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần Đ có trách nhiệm trả cho tôi số tiền 100.000.000 đồng gốc đã đầu tư và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 01/11/2019 cho tới nay. Đối với số tiền lãi suất mà phía công ty đã thanh toán cho tôi với số tiền 20.000.000 đồng trong thời hạn 04 tháng thì không đề nghị Tòa án xem xét và tính toán lại.

** Bị đơn Công ty cổ phần Đ: Mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.*

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị C trình bày: Do mối quan hệ quen biết với ông Nguyễn Trung T là Giám đốc công ty Cổ phần Đ nên tôi có góp vào Công ty cổ phần Đ với số tiền 100.000.000 đồng.

Sau đó, do mối quan hệ quen biết với ông Lương Văn M, nên vào khoảng tháng 6/2019, ông M có đưa cho tôi số tiền 100.000.000 đồng để nhờ tôi góp vốn vào Công ty cổ phần Đ. Sau khi nhận tiền từ ông M, tôi đã đưa toàn bộ số tiền trên cho ông Nguyễn Trung T. Sau khi nhận tiền từ tôi, ông T có viết phiếu thu đề tên người nộp tiền là Lương Văn M và đưa lại cho tôi. Sau đó, tôi đã đưa lại phiếu thu nói trên cho ông M. Tôi chỉ là người đứng ra nộp tiền vào Công ty giúp ông M chứ không được hưởng lợi gì từ số tiền nói trên.

Đối với Hợp đồng quyền chọn đề ngày 20/6/2019, sau khi tôi đưa tiền cho ông Nguyễn Trung T thì ông T đã điền thông tin còn thiếu vào Hợp đồng đã được soạn sẵn, sau đó đưa cho tôi để tôi cầm về cho ông Lương Văn M ký. Sau khi nhận Hợp đồng từ tôi, ông M đã ký tên vào mục B trước mặt tôi và cầm về nhà, còn sau đó ông M có ký thêm hợp đồng nào với công ty nữa hay không thì tôi không biết.

Sau khi nộp tiền vào công ty cho ông M, việc công ty chi trả lợi nhuận cho ông M như thế nào thì tôi không biết được. Nay ông Lương Văn M khởi kiện đề nghị Công ty cổ phần Đ trả số tiền 100.000.000 đồng và lãi suất 40.000.000 đồng thì tôi không biết và không liên quan gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Thứ nhất, Công ty Cổ phần Đ được cơ quan chức năng cấp phép thành lập doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Trung T – Tổng giám đốc, có địa chỉ 137A Giải phóng, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Công ty có chức năng kêu gọi vốn, không vi phạm pháp luật.

Thứ hai, do có mối quan hệ quen biết với bà Vũ Thị C, nên khi nghe bà C nói góp vốn vào công ty Cổ phần Đ để hợp tác làm ăn và hưởng lợi nhuận, nên ông M đã tin và đưa số tiền 100tr cho bà C để bà C làm việc với Công ty Cổ phần Đ và nộp cho Công ty Cổ phần Đ. Tuy nhiên, đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Đ là ông Nguyễn Trung T soạn thảo hợp đồng và ký tên, đóng dấu công ty vào bản hợp đồng sau đó đưa cho bà C để bà C đưa cho ông M ký, đồng thời bà C còn đưa biên lai thu tiền của Công ty Cổ phần Đ cho ông M. Do đó, việc ký kết hợp đồng giữa công ty Cổ phần Đ với ông Lương Văn M là hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định.

Thứ ba, ngày 20/6/2019, Công ty Cổ phần Đ ký kết Hợp đồng số 240486804/HĐQC với ông Lương Văn M. Tại bản hợp đồng này, ông Lương Văn M đã ký kết hợp đồng quyền chọn với Công ty Cổ phần Đ, theo đó các bên đương sự thỏa thuận hợp tác với nhau để thực hiện dự án bất động sản, trị giá hợp tác là 100.000.000 đồng. Tại Điều 2 của hợp đồng số 240486804/HĐQC, ông M có quyền chọn một trong ba quyền, ông M đã lựa chọn quyền số 1 là lãi suất 5%/tháng/tổng số tiền đầu tư, một tháng nhận lãi một lần, rút vốn sau 12 tháng. Tính từ khi ký hợp đồng cho đến nay, ông M chỉ được nhận lãi 04 tháng đầu, từ tháng thứ năm trở đi ông không được nhận lãi nữa, công ty cũng không hoàn trả số tiền đầu tư cho ông. Như vậy Công ty Cổ phần Đ đã vi phạm hợp đồng số 240486804/HĐQC, ngày 20/6/2019 với ông M. Do đó, ông M có quyền khởi kiện Công ty Cổ phần Đ, buộc Công ty Cổ phần Đ có trách nhiệm trả số tiền ông M đã ký hợp tác với Công ty Cổ phần Đ là 100tr và 8 tháng tiền lãi suất trên tổng số tiền ông M đầu tư: $100.000.000đ \times 5\%/tháng - 4 \text{ tháng đã nhận} = 40.000.000đ$.

Thứ tư, Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự, tôi kính đề nghị HĐXX buộc Công ty Cổ phần Đ phải trả cho ông Lương Văn M tiền lãi suất chậm trả đối với số tiền góp vốn ban đầu là 100tr, cộng với tiền lãi suất 40tr của 8 tháng còn lại theo hợp đồng số 240486804/HĐQC ngày 20/6/2019 được tính từ 20/6/2021 đến ngày 13/6/2025 là 47 tháng 24 ngày (3 năm 11 tháng 24 ngày). Cụ thể như sau:

- Từ 20/6/2021 đến 31/12/2021: là 195 ngày
- Năm 2022: 365 ngày
- Năm 2023: 365 ngày
- Năm 2024 (năm nhuận): 366 ngày
- Từ 1/1/2025 đến 13/6/2025: 164 ngày

Tổng số ngày (20/6/2021 đến ngày 13/6/2025): 1.455 ngày

Như vậy lãi suất: $140.000.000tr \times 20\%/năm (0,2) \times (1455 \text{ ngày} : 365) = 140.000.000 \times 0,2 \times 3,9863 = 111.616.400 \text{ đồng}$.

Tổng cả lãi và gốc là: $140.000.000 + 111.616.400 = \mathbf{251.616.400 \text{ đồng}}$

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14/30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Trường hợp ông Lương Văn M là người có công với cách mạng thuộc trường hợp được miễn án phí. Ông đã có đơn nộp cho HĐXX. Đó đó đề nghị HĐXX miễn toàn bộ án phí cho ông Lương Văn M theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột phát

biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Đây là “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, 147, 156, 157, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 357, 466, 468, 504, 505, 506, 507, 509, 510, 512 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Văn M. Buộc Công ty cổ phần Đ trả lại cho ông M 100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật, khấu trừ 20.000.000 đồng tiền lãi suất công ty đã trả cho ông M;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, hồ sơ vụ án thì vào ngày 20/6/2019 giữa ông Lương Văn M và Công ty cổ phần Đ có ký hợp đồng góp vốn, theo hợp đồng quyền chọn số 240486814/HĐQC ngày 20/6/2019 tổng số tiền góp vốn là 100.000.000 đồng, ông M chọn quyền chọn 1. Theo quyền chọn 1 thì lãi suất ông M được hưởng trên tháng là 5% trên tổng số tiền đầu tư 100.000.000 đồng, mỗi tháng nhận lãi một lần và được quyền rút vốn sau 12 tháng. Sau khi ký hợp đồng quyền chọn thì Công ty cổ phần Đ đã trả cho ông M được 4 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 20.000.000 đồng, tuy nhiên đến tháng thứ 5 thì Công ty chấm dứt việc trả tiền lãi cho ông M mặc dù ông M đã yêu cầu trả tiền nhiều lần. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về giao dịch dân sự “*Tranh chấp về hợp đồng hợp tác*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét bị đơn – Công ty cổ phần Đ có nơi cư trú tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Bị đơn Công ty cổ phần Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung T đã được Tòa án tiến hành

tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, bà Vũ Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

[3]. Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn ông Lương Văn M yêu cầu Công ty cổ phần Đ trả số tiền 100.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 01/11/2019 cho đến nay.

3.1. *Về nợ gốc:* Xét hợp đồng quyền chọn số 240486814/HĐQC ngày 20/6/2019 giữa Lương Văn M và Công ty cổ phần Đ các bên ký kết là sự tự nguyện và không ai ép buộc, việc ký kết hợp đồng xảy ra trên thực tế, việc Công ty cổ phần Đ không trả tiền góp vốn đầu tư và lãi suất cho ông M theo cam kết trong hợp đồng quyền chọn số 240486814/HĐQC ngày 20/6/2019 là xâm phạm đến quyền và lợi ích của ông M. Vì vậy, việc ông M khởi kiện Công ty cổ phần Đ trả toàn bộ số tiền vốn góp 100.000.000 đồng theo hợp đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

3.2. *Đối với lãi suất:* Theo hợp đồng quyền chọn số 240486814/HĐQC ngày 20/6/2019 các bên thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng tương đương 60%/năm, xét sự thỏa thuận của các bên mặc dù là sự tự nguyện, tuy nhiên thỏa thuận này vi phạm Điều 468 Bộ luật dân sự quy định về lãi suất, nên cần xác định lại lãi suất là 20%/năm để phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Quá trình làm việc ông M đều xác nhận Công ty cổ phần Đ đã trả được khoản tiền lãi theo hợp đồng là 04 tháng tương ứng với số tiền là 20.000.000 đồng (*đã trả được tiền lãi từ ngày 20/6/2019 đến ngày 20/10/2019*). Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án ông M đề nghị không xem xét lại phần lãi đã trả, đối với bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến gì, nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến này của nguyên đơn. Ngoài ra, nguyên đơn đề nghị tính lãi suất kể từ ngày 01/11/2019 là tự nguyện và phù hợp nên cần chấp nhận, cụ thể 01/11/2019 đến ngày 13/6/2025 như sau: $100.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 05 \text{ năm} 7 \text{ tháng} 12 \text{ ngày} = 113.722.222 \text{ đồng}$.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Tòa án tính tiền lãi chậm trả trên khoản tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự. Yêu cầu này là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Tuy nhiên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị tính lãi chậm trả trên khoản tiền 40.000.000 đồng của 8 tháng còn lại theo hợp đồng số 240486804/HĐQC ngày 20/6/2019 được tính từ 20/6/2021 đến ngày 13/6/2025 là 47 tháng 24 ngày (3 năm 11 tháng 23 ngày) với mức lãi suất 20%/năm là chưa đúng, cần tính toán lại như sau:

Lãi suất trong hạn chưa trả: 01/11/2019 (thời điểm tính lãi suất do nguyên đơn yêu cầu) đến 20/6/2020 là 07 tháng 19 ngày $\times 20\% \times 100.000.000 \text{ đồng} = 12.722.222 \text{ đồng}$

Lãi suất chậm trả trên thời gian chậm trả theo quy định được tính mức lãi suất 10%/ năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự như sau: $12.722.222 \text{ đồng} \times 10\% / \text{năm} \times 4 \text{ năm} 11 \text{ tháng} 22 \text{ ngày}$ (thời gian chậm trả từ ngày 21/6/2020 đến 13/6/2025) = 6.403.518 đồng.

Như vậy, Công ty cổ phần Đ có nghĩa vụ trả cho ông Lương Văn M tổng số tiền 100.000.000 đồng + 113.722.222 đồng + 6.403.518 đồng = 220.125.740 đồng.

[4]. Về án phí:

Căn cứ vào nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn - ông Lương Văn M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị đơn – Công ty cổ phần Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $220.125.740 \text{ đồng} \times 5\% = 11.006.000 \text{ đồng}$ (làm tròn)

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 207; Điều 220; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357; Điều 466; Điều 468; Điều 504; Điều 505; Điều 506; Điều 507; Điều 509; Điều 510; Điều 512 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Văn M.

1. Buộc Công ty cổ phần Đ có nghĩa vụ trả cho ông Lương Văn M tổng số tiền 220.125.740 đồng, trong đó số tiền vốn góp là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 120.125.740 đồng.

Kể từ ngày 14/6/2025 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; trường hợp không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Bị đơn Công ty cổ phần Đ phải chịu 11.006.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn ông Lương Văn M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- P. NVKT&THA TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hoài Trang